TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HNGD-PT.

Ngày : 19/10/2018.

V*/v: "Tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

Ông Nguyễn Gia Lương.

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Dung - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn– Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/HNGĐ-PT ngày 10/9/2018 về: "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2018/HNGĐ-ST ngày 27/7/2018 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2018/QĐ-PT ngày 28/9/2018 giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Đỗ Văn T - Sinh năm 1973.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ch, xã Nh, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Thân Thị H – Sinh năm: 1978 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú quán: Số nhà X, Làn Y, đường H, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:** Anh và chị Thân Thị H đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường L, thành phố B ngày 29/10/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Năm 2014, vợ chồng đã bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đó đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị xin ly hôn chị Thân Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Thu H1, sinh ngày 02/9/2003 và Đỗ Khánh H2, sinh ngày 19/11/2006. Từ khi vợ chồng ly thân thì hai con vẫn ở cùng chị H, thỉnh thoảng anh có đến thăm các cháu nhưng anh cũng không cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh xin được nuôi dưỡng một cháu. Trong trường hợp cả 02 con đều có nguyện vọng được ở với bố thì anh cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Tòa giao cả 02 con cho chị H nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị H. Hiện anh làm hộ lý trong Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, thu nhập của anh khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

Vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Chị Thân Thị H trình bày**: Chị thừa nhận lời khai của anh T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và con chung là đúng. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Sau khi vợ chồng ly thân thì cả 2 con chung vẫn ở cùng với chị nhưng anh T không quan tâm chăm sóc các con, không cấp dưỡng nuôi con chung. Nay, anh T xin ly hôn chị thì chị cũng đồng ý nhưng chị đề nghị được nuôi cả 2 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/HNGĐ-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B xử :

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Thân Thị H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đỗ Thu H1, sinh ngày 02/9/2003 và Đỗ Khánh H2, sinh ngày 19/11/2006 cho chị Thân Thị H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con là 750.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 31/7/2018, anh Đỗ Văn T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử về việc nuôi con chung

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo về phần con chung.

Anh T trình bầy: Anh không đồng ý với bản án sơ thẩm đã giao cả 2 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Nay, anh kháng cáo đề nghị được nuôi 1 con chung, Tòa án giao con nào cho anh nuôi thì anh cũng đồng ý. Hiện nay anh đang ở nhờ nhà của bố mẹ anh tại thôn Ch, xã Nh, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nếu được nuôi con chung, anh sẽ xin chuyển học cho con về quê sinh sống ở cùng ông bà nội. Mục đích anh xin nuôi con chung là để thể hiện sự quan tâm của người bố tới con. Anh cũng thừa nhận là mình đã có thiếu sót là đã không quan tâm đến con và không chu cấp tiền nuôi con cho chị H từ khi vợ chồng ly thân đến nay nhưng nay anh xin hứa là anh sẽ thay đổi. Nếu Tòa án giao cả 2 con cho chị H nuôi dưỡng thì anh T cũng không nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Đỗ Văn T và chị Thân Thị H đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B ngày 29/10/2002 được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng mâu thuẫn, anh T đã làm đơn xin ly hôn chị H. Chị H cũng đồng ý ly hôn anh Tuấn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Thân Thị H là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Các đương sự cũng không kháng cáo về quan hệ hôn nhân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có hai con chung là Đỗ Thu H1, sinh ngày 02/9/2003 và Đỗ Khánh H2, sinh ngày 19/11/2006. Sau khi vợ chồng anh T ly hôn thì cả hai con chung đều do chị H nuôi dưỡng.

Nay, anh T đề nghị xin nuôi 1 con chung, bản án sơ thẩm đã giao cả 2 con chung cho chị H nuôi và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh T nộp đơn kháng cáo xin nuôi 01 con chung với lý do là để thể hiện sự quan tâm chăm sóc tới con. Nếu phải giao cả 2 con cho chị H nuôi thì anh T cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

[1] Xét kháng cáo của anh T về việc anh T xin nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T cũng không quan tâm chăm sóc tới các con, không cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Nay anh T có nguyện vọng nuôi 1 con chung và anh T đã trình bầy là sau khi được nuôi con thì anh sẽ chuyển con về quê sinh sống cùng ông bà nội. Nhưng cả cháu H1 và cháu H2 đều có nguyện vọng ở với chị H. Các cháu hiện nay đều khỏe mạnh, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Nếu giao 1 con cho anh T nuôi dưỡng thì anh T sẽ phải chuyển con về quê sinh sống ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T. Việc thay đổi này sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng tới việc học tập, sinh hoạt, tâm lý của cả cháu H1 và cháu H2. Hơn nữa, anh T hiện nay cũng không có nhà ở nên nếu giao cả 2 con cho chị H nuôi là đảm bảo quyền lợi cho các con của anh T và chị H.

Như vậy, việc kháng cáo của anh T đề nghị xin nuôi 01 con chung là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử về việc giao cả 2 con cho chị H nuôi.

[2] Xét kháng cáo của anh T về việc anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T là cán bộ bảo vệ của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Theo bảng lương mà anh T cung cấp cho Tòa án thì anh T có mức thu nhập là hơn 4.000.000 đồng/1 tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 750.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và mức thu nhập hàng tháng của anh T. Nay anh T kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử về mức cấp dưỡng nuôi con.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, (quan hệ hôn nhân, án phí ly hôn).

Anh T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của anh T không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTD không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Văn T: Giữ nguyên bản án án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về con chung: Giao hai con chung là Đỗ Thu H1, sinh ngày 02/9/2003 và Đỗ Khánh H2, sinh ngày 19/11/2006 cho chị Thân Thị H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con là 750.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn và 300.000 đồng án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0001040 ngày 06/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT. Nhưng anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2012/06884 ngày 31/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí DSPT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân TP B;
-Chi cục THADS TP B;
-UBND phường Ng, TP B;
- UBND xã Nh, huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền